

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T PH
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HS-ST
Ngày 05-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T PH, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Nghĩa.
2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Trúc, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thùy Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2021/TLST-HS, ngày 29 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 621/2022/HSST-QĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022, Thông báo chuyển thời gian xét xử số 751/2022/TB-TA ngày 23 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

01. Trần Văn L, sinh năm 1978 tại huyện T Ph, tỉnh Bình Định; nơi cư trú thôn Định Thiện T, xã Ph Q, huyện T Ph, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ngoài giá thú và bà Trần Thị Phó; vợ là chị Ngô Thị Mỹ Loan; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

02. Lê Đình T, sinh năm 1971 tại huyện T Ph, tỉnh Bình Định; nơi cư trú thôn Định Thiện T, xã Ph Q, huyện T Ph, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình Quảng (Chết) và bà Trần Thị Phó; vợ là chị Dương Thị Bé (Đã ly hôn), có 01 con, sinh năm 1993; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1992; nơi cư trú thôn Phục T, xã Ph Q, huyện T Ph, tỉnh Bình Định; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị V là em dâu của các bị cáo Trần Văn L, Lê Đình T. Chồng của chị Nguyễn Thị V là anh Phạm Văn L; anh L là em cùng mẹ khác cha với các bị cáo. Vì nghi ngờ chị V có quan hệ tình cảm với người khác trong khi chồng chị V mới chết nên vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 20/5/2021, bị cáo Lê Đình T đến nhà chị V để hỏi chị V có quan hệ tình cảm với người khác hay không nhưng chị V không trả lời. Vì bức tức nên bị cáo T dùng chân đá một cái vào mặt chị V; bị cáo T ra chuồng bò bên hông nhà chị V thấy chuồng bò không được dọn dẹp, dơ bẩn nên bị cáo T quay vô nhà chị V nói chuyện thì hai bên xảy ra kinh cãi, bị cáo T dùng chân đá một cái vào mặt chị V rồi bỏ ra về. Cả hai lần bị cáo T dùng chân đá vào mặt chị V đều không có thương tích gì. Sau đó, bị cáo T đến nhà bị cáo Trần Văn L kể lại sự việc trên cho bị cáo L nghe. Lúc này, bị cáo L rủ bị cáo T cùng đến nhà chị V để hỏi việc chị V có quan hệ tình cảm với người khác hay không thì bị cáo T đồng ý. Khi các bị cáo đến nhà chị V thì bị cáo L đứng nói chuyện với chị V còn bị cáo T vào trong phòng ngủ lấy quần áo của chị V ném xuống nền nhà. Một lúc sau, giữa các bị cáo và chị V kinh cãi với nhau; bị cáo L dùng chân đá vào mặt chị V một cái; bị cáo T dùng tay nắm cánh tay trái, nắm tóc kéo chị V kéo ra trước phòng khách. Khi chị V đứng dậy thì bị cáo L dùng tay đánh vào đầu chị V hai cái. Sau đó, bị cáo T và chị V giằng co nhau thì bị cáo T dùng tay đánh vào mặt chị V một cái, bị cáo L đi đến dùng tay đánh vào mặt bà V một cái. Các bị cáo tiếp tục nắm tóc của chị V kéo ra trước nhà thì được người dân can ngăn nên các bị cáo bỏ đi về. Hậu quả, chị Nguyễn Thị V bị thương tích được đưa đi điều trị tại Trung tâm y tế thị xã An Nhơn từ ngày 20/5/2021 đến ngày 10/6/2021 thì xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định về thương tích số 253/2021/PY-TgT ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Định kết luận tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của chị Nguyễn Thị V là 12%.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định pháp y về thương tích của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Định nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS-TP ngày 28 tháng 12 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Trần Văn L và bị cáo Lê Đình T về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Văn L, Lê Đình T đều phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 134, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Văn L từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo; xử phạt bị cáo Lê Đình T từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại: Đề nghị áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc các bị cáo Trần Văn L, Lê Đình T có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại do sức khỏe của chị Nguyễn Thị V bị xâm phạm với số tiền chi phí thuê xe đưa đi cấp cứu, điều trị và về là 400.000 đồng; chi phí cấp cứu, điều trị và tiền thuốc là 7.600.000 đồng; tiền công của bị hại bị mất thu nhập trong thời gian điều trị tại Bệnh viện 10 ngày x 150.000 đồng/ngày = 1.500.000 đồng; tiền công của người nuôi người bị hại trong thời gian điều trị tại Bệnh viện 10 ngày x 150.000 đồng/ngày = 1.500.000 đồng; bồi thường tổn thất tinh thần 15 lần mức lương cơ sở.

Bị hại chị Nguyễn Thị V đề nghị xét xử các bị cáo với mức hình phạt theo quy định của pháp luật và yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm với số tiền 59.000.000 đồng.

Bị cáo Trần Văn L nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối cải do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra xin Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Lê Đình T nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối cải do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; bị cáo xin lỗi bị hại, xin Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T Ph, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T Ph, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Trần Văn L và Lê Đình T đều thừa nhận do nghi ngờ bị hại chị Nguyễn Thị V là em dâu của các bị cáo có quan hệ tình cảm với người khác trong khi chồng của chị V vừa mới chết nên vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 20/5/2021, bị cáo Lê Đình T đến nhà chị V để hỏi sự việc trên nhưng chị V không trả lời. Vì bức tức nên bị cáo Lê Đình T dùng chân đá vào mặt chị một cái, tiếp đến bị cáo T ra chuồng bò thấy dơ bẩn nên quay lại vào nhà chị V nói chuyện. Sau đó bị cáo T tiếp tục dùng chân đá vào mặt chị V một cái. Sau khi thực hiện hành vi dùng chân đá vào người chị V, bị cáo T đến nhà bị cáo Trần Văn L kể cho bị cáo L nghe toàn bộ sự việc trên. Sau khi nghe xong, bị cáo L rủ bị cáo T đến nhà chị V để hỏi chị V có quan hệ tình cảm với người khác hay không. Khi các bị cáo đến nhà của chị V, giữa các bị cáo và chị V xảy ra kinh cãi nên bị cáo L dùng chân đá vào mặt chị V một cái; bị cáo T dùng tay nắm cánh tay trái, nắm tóc kéo chị V ra trước phòng khách; khi chị V đứng dậy thì bị cáo L dùng tay đánh vào đầu chị V hai cái; bị cáo T dùng tay tát vào mặt chị V một cái; bị cáo L tiếp tục dùng tay tát vào mặt chị V một cái. Các bị cáo tiếp tục dùng tay kéo chị V ra trước nhà thì được người dân can ngăn nên bỏ đi về. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các chứng cứ khác. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận thương tích của bị hại chị Nguyễn Thị V là do bị cáo Trần Văn L và bị cáo Lê Đình T dùng tay, chân đánh gây ra.

[3] Xét tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Trần Văn L, Lê Đình T là người có đủ khả năng nhận thức được hành vi dùng tay, chân đánh gây thương tích đối với người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội, nhận thức được hậu quả do hành vi của các bị cáo thực hiện sẽ gây thiệt hại về sức khỏe đối với người khác, nhưng chỉ vì nghi ngờ chị Nguyễn Thị V có quan hệ tình cảm với người khác mà các bị cáo thực hiện hành vi dùng tay, chân đánh gây thương tích đối với chị Nguyễn Thị V dẫn đến hậu quả tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của chị Nguyễn Thị V là 12%. Do đó hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo thực hiện hành vi cố ý xâm phạm đến sức khỏe của người khác; hành vi của các bị cáo thực hiện gây mất an ninh, trật tự nơi xảy ra vụ án.

[5] Xét tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo cố ý cùng thực hiện một tội phạm nhưng không có sự câu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Hành vi của bị cáo Trần Văn L nguy hiểm hơn so với bị cáo Lê Đình T.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo phạm tội có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo tự nguyện nộp một khoản tiền để bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt.

[7] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, cân nhắc tính chất và mức độ tham gia phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với các bị cáo với mục đích không chỉ nhằm trừng trị các bị cáo mà còn giáo dục các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Do đó, Hội đồng xét xử Quyết định hình phạt đối với Trần Văn L nghiêm khắc hơn so với bị cáo Lê Đình T. Trong vụ án này, các bị cáo và bị hại có mối quan hệ anh chồng em dâu với nhau; các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại chị Nguyễn Thị V yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe gồm chi phí thuê xe đưa đi cấp cứu, điều trị và về với số tiền 400.000 đồng; chi phí điều trị, tiền thuốc với số tiền 7.600.000 đồng; thu nhập bị mất của người nuôi bệnh với số tiền 250.000 đồng/ngày x 21 ngày = 5.250.000 đồng; thu nhập bị mất trong thời gian chị V điều trị bệnh với số tiền 300.000 đồng/ngày x 21 ngày = 6.300.000 đồng; bồi thường tổn thất tinh thần 30 lần mức lương cơ sở với số tiền 44.700.000 đồng. Các bị cáo đồng ý bồi thường số tiền chi phí thuê xe đưa chị V đi cấp cứu, điều trị và về; chi phí điều trị, tiền thuốc nên các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường số tiền trên cho bị hại. Đối với các khoản chi phí còn lại và số tiền bồi thường tổn thất tinh thần thì các bị cáo yêu cầu xem xét theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền mà bị hại yêu cầu các bị cáo có nghĩa bồi thường do bị mất thu nhập trong thời gian bị hại điều trị bệnh 300.000 đồng/ngày x 21 ngày = 6.300.000 đồng; số tiền bồi thường tổn thất tinh thần 30 lần mức lương cơ sở 44.700.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Với thương tích của bị hại như trên thì bị hại có khả năng tự chăm sóc cho mình trong thời gian điều trị bệnh nên Hội đồng xét xử

không chấp nhận yêu cầu bồi thường số tiền thu nhập bị mất của người nuôi bệnh. Do đó, tổng số tiền bị cáo Trần Văn L và bị cáo Lê Đình T phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị V là 59.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 587 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bị cáo Trần Văn L có nghĩa vụ bồi thường số tiền 32.000.000 đồng; bị cáo Lê Đình T có nghĩa vụ bồi thường số tiền 27.000.000 đồng. Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo Trần Văn L và số tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo Lê Đình T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T Ph, tỉnh Bình Định để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án về phần bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại chị Nguyễn Thị V.

[9] Xét về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

[10] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Văn L phải chịu số tiền $(32.000.000 \text{ đồng} - 3.000.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 1.450.000 \text{ đồng}$; bị cáo Lê Đình T phải chịu số tiền $(27.000.000 \text{ đồng} - 3.000.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 1.200.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn L, Lê Đình T đều phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 134, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 05 tháng 4 năm 2022).

Giao bị cáo Trần Văn L cho Ủy ban nhân dân xã Ph Q, huyện T Ph, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Trần Văn L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trần Văn L cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trần Văn L phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Lê Đình T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 05 tháng 4 năm 2022).

Giao bị cáo Lê Đình T cho Ủy ban nhân dân xã Ph Q, huyện T Ph, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lê Đình T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Đình T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Lê Đình T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 357, Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Trần Văn L có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại chị Nguyễn Thị V do sức khỏe của chị Nguyễn Thị V bị xâm phạm với số tiền 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

- Buộc bị cáo Lê Đình T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại chị Nguyễn Thị V do sức khỏe của chị Nguyễn Thị V bị xâm phạm với số tiền 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) mà bị cáo Trần Văn L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001811; số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) mà bị cáo Lê Đình T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001812 cùng ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T Ph, tỉnh Bình Định để đảm bảo việc thi hành án về phần bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại chị Nguyễn Thị V.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Trần Văn L, Lê Đình T mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Văn L phải chịu số tiền 1.450.000 đồng (Một triệu bốn trăm năm chục nghìn đồng); buộc bị cáo Lê Đình T phải chịu số tiền

1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 05 tháng 4 năm 2022).

7. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định;
- Công an huyện T Ph, tỉnh Bình Định;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện T Ph, tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

